

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lu G; tên gọi khác: A N; sinh năm 1957; cư trú tại: Quận T, thành phố T, tỉnh Quảng Châu, Trung Quốc. Có mặt.

Người phiên dịch: Bà Nguyễn Thị Hoàng N; sinh năm 1981; cư trú tại: Khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu H; sinh năm 1983; cư trú tại: đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu H là ông Nguyễn Phúc T, Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Lu G, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thông qua người quen giới thiệu, mai mối nên ông và Bà Đỗ Thị Thu H đã tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân; ông và Bà H có đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam; được Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02 tháng 7 năm 2018. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn do Bà H ngoại tình, thường xuyên qua lại với người đàn ông khác; bản thân ông thì thường xuyên phải ở tại Trung Quốc để lo làm ăn nên Bà H đã dành phần lớn thời gian đi chơi, du lịch với người đàn ông nói trên. Ngoài ra, Bà H không chịu làm ăn mà chỉ tiêu xài hoang phí; liên tục yêu cầu ông chu cấp tiền bạc, vật chất mà càng ngày càng không thể đáp ứng nổi. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà H.

- Về con: Ông Lu G xác định là ông và Bà Đỗ Thị Thu H có 01 con chung tên là Lu Siêu V; sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018. Ly hôn với Bà H thì nguyện vọng của ông là được trực tiếp nuôi con Lu Siêu V, vì hiện tại Bà H cũng không nuôi con mà gửi con cho bà ngoại chăm sóc, nuôi nấng; ông không yêu cầu Bà H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung:

- Sau khi lập gia đình với Bà Đỗ Thị Thu H thì bản thân ông đã bỏ ra toàn bộ số tiền 2.100.000.000 đồng để mua lại ngôi nhà tại đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là ngôi nhà đường K) từ vợ chồng ông Lê Văn Lý và bà Lê Thị Minh Huyền. Nhà, đất này có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 214311 do Sở

Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15-6-2018. Riêng bản thân Bà H không đóng góp đồng nào để mua ngôi nhà nói trên.

- Tuy nhiên, khi mua nhà thì ông ký văn bản xác nhận là tài sản riêng cho Bà H và Bà H đứng ra ký hợp đồng mua nhà, bởi vì ông là người nước ngoài (*Ông Lu G có quốc tịch: Trung Quốc*) nên không được sở hữu nhà đất riêng lẻ, theo pháp luật Việt Nam.

- Việc giao dịch thanh toán tiền để mua ngôi nhà đường K được ông thực hiện như sau: Do ông ở Trung Quốc nên đồng Nhân dân tệ được ông chuyển cho ông Hạng Chải Hải làm dịch vụ đổi tiền ở chợ Tiền tỉnh Lạng Sơn đổi sang đồng Việt Nam và ông Hải chuyển đi để thanh toán cụ thể: Ngày 09-7-2018, ông Hải chuyển cho Bà Đỗ Thị Thu H số tiền 300.000.000 đồng để đặt cọc mua ngôi nhà đường K và ngày 30-7-2018, ông Hải chuyển cho ông Lê Văn Lý số tiền 1.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 09 đường Kiều Phụng; ngoài ra, ông có đưa tiền mặt cho Bà H để thanh toán đủ tiền mua nhà cho vợ chồng ông Lý, bà Huyền.

- Ly hôn, ông yêu cầu chia cho ông 70% giá trị ngôi nhà đường K, do công sức đóng góp tạo lập nên ngôi nhà hoàn toàn là của ông.

- Về nợ chung: Ông Lu G xác định là ông và Bà Đỗ Thị Thu H không nợ chung.

Bị đơn Bà Đỗ Thị Thu H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 02-7-2018, bà và Ông Lu G đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Sau đó vợ chồng chung sống tại số đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do chênh lệch tuổi tác, dẫn đến bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Hiện nay, bản thân bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với Ông Lu G nữa nên bà có nguyện vọng được ly hôn.

- Về con chung: Bà và Ông Lu G có 01 con chung tên là Lu Siêu V, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018. Ly hôn, bà yêu cầu được giao trực tiếp nuôi con và

yêu cầu Ông Lu G cấp dưỡng cho con 5.000.000 đồng/tháng với phương thức cấp dưỡng 01 lần; tính thành tiền là hơn 900 triệu đồng.

- Về tài sản: Ngôi nhà đường K là tài sản riêng của bà, nên bà không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của Ông Lu G. Về nguồn gốc ngôi nhà này do bà trực tiếp đứng ra giao dịch mua lại của vợ chồng ông Lê Văn Lý và bà Lê Thị Minh Huyền. Mặt khác, khi mua nhà thì Ông Lu G đã ký văn bản xác nhận là tài sản riêng cho bà.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Thu H xác định là bà và Ông Lu G không có nợ chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Lu G: Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn; cho Ông Lu G được ly hôn với Bà Đỗ Thị Thu H. Về con chung: Giao con tên Lu Siêu V, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 cho Bà Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi; buộc Ông Lu G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Giao cho Bà Đỗ Thị Thu H quyền sở hữu ngôi nhà số đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 190) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2018, có giá trị 3.121.028.000 đồng. Bà H phải bồi trả tiền chênh lệch cho Ông Lu G được nhận 1.560.514.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Lu G; quốc tịch: Trung Quốc; có địa chỉ cư trú hiện nay tại Quận T, thành phố T, tỉnh Quảng Châu, Trung Quốc và bị đơn Bà Đỗ Thị Thu H; quốc tịch: Việt Nam; cư trú tại địa chỉ: đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, nên vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản (là nhà ở riêng lẻ) khi ly hôn thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 39, Điều 464, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn Bà Đỗ Thị Thu H của ông Lu G thì thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì cả ông Lu G và Bà H cùng thống nhất xác định hiện cả hai không còn tình cảm vợ chồng dành cho nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó đều có yêu cầu được ly hôn. Xét hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên cần công nhận cho ông Lu G và Bà H được thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm (*đã có hiệu lực pháp luật*) số 67/2019/HNGĐ-ST, ngày 29-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xác định: Ông Lu G là cha đẻ của cháu trai tên Lu Siêu V, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018, có Giấy chứng sinh số 37, quyền số 02/18 do Bệnh viện phụ sản nhi Đà Nẵng cấp ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Lu Siêu V của Ông Lu G thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Bà Đỗ Thị Thu H cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lu Siêu V và yêu cầu Ông Lu G cấp dưỡng cho con theo phương thức một lần tính trên số tiền 5.000.000 đồng/ tháng với thời gian từ nay cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét con chung của Bà H và Ông Lu G tính đến nay chưa tròn 02 tuổi, do đó cần chấp nhận yêu cầu của Bà H để giao con Lu Siêu V cho Bà H được trực tiếp nuôi, là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng của Bà H

là không được Ông Lu G chấp thuận, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của Ông Lu G và nhu cầu thiết yếu của con chung, để buộc Ông Lu G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; với phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân của Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H có tạo lập được 01 ngôi nhà ở riêng lẻ tại địa chỉ đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Xét về nguồn gốc nhà đất nói trên thì thấy: Vào ngày 30-7-2018, tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng, Bà Đỗ Thị Thu H đã nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Lý và bà Lê Thị Minh Huyền nhà ở riêng lẻ (thửa đất số, tờ bản đồ số, diện tích đất 127,50m²) tại địa chỉ lô, Khu E2 mở rộng (GD2-PK1) Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, nay là đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2018. Cùng thời điểm này, ngày 30-7-2018, tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng, thì Ông Lu G và vợ là Bà Đỗ Thị Thu H ký văn bản thỏa thuận về tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân, với nội dung: Toàn bộ số tiền mà Bà Đỗ Thị Thu H dùng vào việc nhận chuyển nhượng nhà đất nói trên là tài sản riêng của Bà H; Ông Lu G không có bất cứ đóng góp nào đối với việc nhận chuyển nhượng tài sản trên. Đến ngày 09-8-2018, thì Bà H đã được đứng tên nhà đất nói trên theo chỉnh lý biến động tài sản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Cẩm Lệ, thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng.

Ông Lu G cho rằng ông là người nước ngoài, có quốc tịch Trung Quốc cho nên bản thân ông không được đứng tên sở hữu nhà đất riêng lẻ tại Việt Nam, do đó mới được hướng dẫn ký văn bản thỏa thuận về tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân cho Bà H thì vợ ông là Bà H mới được đứng tên sở hữu nhà ở. Riêng về tổng số tiền 2.100.000.000 đồng để mua ngôi nhà đường K từ ông Lê Văn Lý và bà Lê Thị Minh Huyền thì toàn bộ là tiền của ông chuyển từ Trung Quốc qua Việt Nam và

được đổi từ đồng Nhân dân tệ qua tiền Việt Nam đồng bởi ông Hạng Chải Hải là người làm dịch vụ đổi tiền ở chợ Tiền biên giới tại tỉnh Lạng Sơn.

Tại thời điểm giao dịch chuyển nhượng ngôi nhà đường K đã có 02 lần chuyển tiền thông qua Ngân hàng, cụ thể: Ngày 09-7-2018, bà Bùi Thị Hồng chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của Bà Đỗ Thị Thu H mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam; và ngày 30-7-2018, bà Hoàng Diệu Linh chuyển số tiền 1.600.000.000 đồng vào tài khoản của ông Lê Văn Lý mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Theo lời trình bày của bà Bùi Thị Hồng và bà Hoàng Diệu Linh thì 02 bà không có quan hệ nào với Bà Đỗ Thị Thu H và ông Lê Văn Lý; việc thực hiện giao dịch chuyển tiền nói trên là do bà Dương Thị Thu Oanh nhờ chuyển giúp. Còn theo bà Oanh thì cũng khai xác định là việc chuyển tiền do ông Hạng Chải Hải nhờ chuyển giúp. Theo lời khai trình bày của ông Hạng Chải Hải thì do Ông Lu G mua nhà ở Đà Nẵng nên Ông Lu G đã chuyển đồng Nhân dân tệ cho ông để đổi qua Việt Nam đồng và ông đã chuyển 300.000.000 đồng cho vợ Ông Lu G là Bà Đỗ Thị Thu H để Bà H trả tiền mua nhà và chuyển 1.600.000.000 đồng cho ông Lê Văn Lý để thanh toán trong khoản tiền mua nhà của Ông Lu G.

Theo quy định tại Điều 169 của Luật Đất đai và Điều 159 của Luật Nhà ở; cũng như Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở, thì Ông Lu G thuộc đối tượng không được sở hữu nhà ở riêng lẻ tại Việt Nam.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của Ông Lu G là có cơ sở và ông đã chứng minh được số tiền ông bỏ ra là 1.900.000.000 đồng để mua ngôi nhà đường K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Đỗ Thị Thu H cho rằng bà đã bỏ ra toàn bộ tiền của cá nhân bà để mua ngôi nhà đường K và cam kết sẽ cung cấp cho Tòa án các chứng từ thanh toán tiền mua nhà của ông Lê Văn Lý và bà Lê Thị Minh Huyền, tuy nhiên sau đó thì bà đã không cung cấp được bất kỳ chứng từ nào. Nên lời khai trình bày của Bà H là không có cơ sở để được chấp nhận.

Do đó, cần phải xác định ngôi nhà đường K được vợ chồng Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu được chia 70% giá trị ngôi nhà đường K của Ông Lu G, thì thấy: Do ngôi nhà đường K là tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình khi Bà H được giao trực tiếp nuôi con; mặt khác, trong thời kỳ hôn nhân thì Bà H cũng có công sức chính trong việc duy trì và phát triển khối tài sản chung. Do đó, cần chia cho Ông Lu G và Bà H mỗi người được hưởng 50% giá trị ngôi nhà đường K và hiện vật là ngôi nhà cho Bà H sở hữu, theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 171/TĐG-CT ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng thì tổng giá trị thị trường đối với giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại đường K là 3.121.028.000 đồng. Kết quả định giá này cũng được cả Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H thống nhất đồng ý. Nên được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định giá trị tài sản có yêu cầu chia. Do chia cho Ông Lu G và Bà H mỗi người được hưởng 50% giá trị ngôi nhà đường K nên tính thành tiền mỗi người sẽ được chia là 1.560.514.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng cho con Ông Lu G phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Án phí về chia tài sản Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu trên giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165, Điều 464, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H.

Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con tên Lu Siêu V, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 cho Bà Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi.

Ông Lu G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Lu Siêu V, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng nói trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung Lu Siêu V, theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung:

Chia giá trị nhà, đất tại địa chỉ đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cho Ông Lu G tính thành tiền là 1.560.514.000 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi triệu, năm trăm mười bốn ngàn đồng).

Chia hiện vật là nhà, đất tại địa chỉ đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cho Bà Đỗ Thị Thu H tính thành tiền là 1.560.514.000 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi triệu, năm trăm mười bốn ngàn đồng).

Bà Đỗ Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Lu G số tiền được chia nói trên là 1.560.514.000 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi triệu, năm trăm mười bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Giao cho Bà Đỗ Thị Thu H quyền sở hữu sử dụng nhà, đất (thửa đất số, tờ bản đồ số) tại địa chỉ lô, Khu E2 mở rộng (GD2-PK1) Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, nay là đường K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2018.

Bà Đỗ Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự:

Ông Lu G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001791 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông Lu G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lu G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Ông Lu G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 58.815.420 đồng (Năm mươi tám triệu, tám trăm mười lăm ngàn, bốn trăm hai mươi đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 35.400.000 đồng theo biên lai thu số 001794 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; Ông Lu G còn phải nộp 23.415.420 đồng (Hai mươi ba triệu, bốn trăm mười lăm ngàn, bốn trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 58.815.420 đồng (Năm mươi tám triệu, tám trăm mười lăm ngàn, bốn trăm hai mươi đồng).

5. Về các chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000 đồng, Ông Lu G tự nguyện chịu; đã nộp tiền tạm ứng và đã chi thanh toán xong.

Chi phí giám định là 1.740.000 đồng. Ông Lu G tự nguyện chịu; đã nộp tiền tạm ứng và đã chi thanh toán theo Phiếu thu ngày 17-9-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

Chi phí định giá là 10.000.000 đồng theo Biên bản thanh lý ngày 18-10-2019. Ông Lu G tự nguyện chịu; đã nộp tiền tạm ứng và đã chi thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000932 ngày 18-10-2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lu G và Bà Đỗ Thị Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam